

Số: 34 /2022-CBTT

Ngày 03 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Tên CTQLQ: CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITALVIỆT NAM (DCVFM)**
 - Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**
 - Mã chứng khoán: **FUEVFN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
 - Điện thoại: 08-3825 1488 Fax: 08-3825 1477
 - Email: cskh@dragoncapital.com website: <http://dragoncapital.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo kiểm toán năm 2021**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 03/03/2022 tại đường dẫn <http://dcvfm.com.vn> của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm/Attached documents

Báo cáo kiểm toán năm 2021 của Quỹ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM



NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH
Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Thông tin chung

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng

38/GCN-UBCK cấp ngày 27 tháng 2 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở

43/GCN-UBCK cấp ngày 22 tháng 4 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở và Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở được cấp với thời gian hoạt động không giới hạn.

Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ

241/QĐ-SGDHCM cấp ngày 7 tháng 5 năm 2020

Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ được cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch
Bà Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên
Bà Trần Ngọc Hân	Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở đăng ký

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2022

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giá định hoạt động liên tục trừ khi giá định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 181, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

1. Thông tin chung về Quỹ

a. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ phù hợp với Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 161,19% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2020; trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu thay đổi là 65,89%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 65,01% so với đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

c. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

d. Phân loại Quỹ

Quỹ thuộc loại quỹ Hoán đổi danh mục ("quỹ ETF").

e. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không có.

f. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Trung bình.

g. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 7 tháng 5 năm 2020 với mã chứng khoán là FUEVFNVD.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

h. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 489.800.000 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 28.157,91 VND.

i. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Chỉ số tham chiếu của Quỹ là chỉ số VN DIAMOND.

j. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

k. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Không có.

2. Số liệu hoạt động

a. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2021	31/12/2020
Danh mục chứng khoán	99,58%	99,26%
Tài sản khác	0,42%	0,74%
Cộng	100,00%	100,00%

b. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	13.791.745.107.213	5.280.430.128.341
Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	489.800.000	311.100.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	28.157,91	16.973,41
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	28.914,11	16.973,41
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	16.585,33	10.767,86

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2020
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	28.050	17.200
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	28.800	17.200
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	16.740	10.500
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	65,89	Không áp dụng
▪ Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	38,12	Không áp dụng
▪ Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	27,77	Không áp dụng
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có
Ngày chốt quyền	Không có	Không có
Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm/kỳ (%)	1,14	1,05
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	38,99	14,03

c. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	65,89	65,89
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	181,58	79,31
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

d. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/12/2021	31/12/2020
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	65,89	98,22

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

3. Mô tả thị trường trong năm 2021

Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.498 điểm vào cuối năm 2021. Giá trị giao dịch trung bình của VN-Index trong 2021 đạt khoảng 883 triệu USD, tăng 276% so với năm 2020. Kết thúc năm 2021, chỉ số VN-Index đạt mức tăng 35,7% so với cuối năm trước.

Những điểm chính của thị trường trong năm 2021:

- i) Chỉ số VN-Index tăng 35,7% và có thể tăng cao hơn;
- ii) Cổ phiếu vốn hóa nhỏ tiếp tục đà tăng, nhưng dòng tiền sẽ hướng tới nhóm vốn hóa lớn để phản ánh đà phục hồi kinh tế;
- iii) Thị trường thuộc nhóm dẫn đầu toàn cầu năm 2021 và đạt được những tiến bộ lớn;
- iv) Quá trình phục hồi kinh tế chỉ mới bắt đầu và định giá cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn.

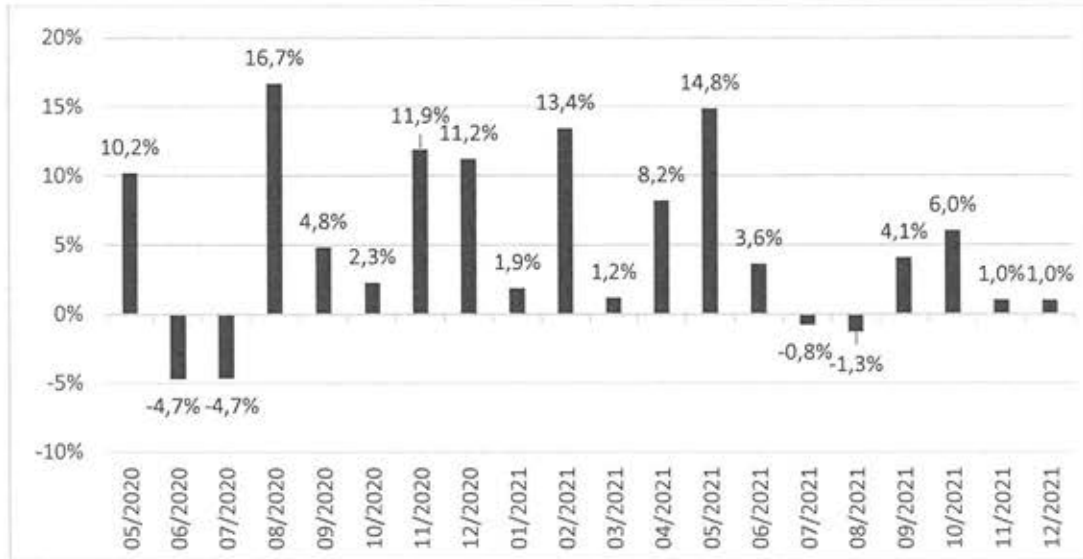
4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ

a. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	27,77	Không áp dụng	48,05
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	38,12	Không áp dụng	133,53
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	65,89	Không áp dụng	181,58
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	65,89	Không áp dụng	79,31
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	65,89	Không áp dụng	181,58
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	63,08	Không áp dụng	167,14

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ kể từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2021 (1)	31/12/2020 (2)	Tỷ lệ thay đổi (3)=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	13.791.745.107.213	5.280.430.128.341	161,19%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	28.157,91	16.973,41	65,89%

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021 tăng trưởng mạnh và cùng với đó được sự quan tâm và góp vốn của nhà đầu tư vào Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND nên tổng NAV của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND có mức tăng mạnh mẽ.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

b. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	2.890	2.544.983	0,52
Từ 5.000 đến 10.000	187	1.281.210	0,26
Từ 10.000 đến 50.000	146	3.086.190	0,63
Từ 50.000 đến 500.000	65	11.337.200	2,31
Trên 500.000	60	471.550.417	96,28
Tổng cộng	3.348	489.800.000	100,00

c. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

5. Thông tin về triển vọng thị trường

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 5,2% trong quý 4 và GDP cả năm đạt 2,59%. Động lực chính cho GDP đến từ lĩnh vực sản xuất với mức tăng trưởng 4,1%. Nông nghiệp và dịch vụ tăng với mức khiêm tốn hơn, lần lượt là 2,9% và 1,2% so với năm ngoái. Kết thúc năm 2021, Việt Nam vẫn chưa quay về trạng thái bình thường trước khi đại dịch Covid bùng phát trở lại thể hiện qua sự sụt giảm 3,8% của bán lẻ, du khách nước ngoài qua Việt Nam vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên những gì Việt Nam đạt được trong năm 2021 sẽ là nền tảng vững chắc cho một năm 2022 đầy triển vọng. Hoạt động thương mại có cú nước rút ngoạn mục trong quý 4, giúp tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam kết thúc năm ở mức kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,7% so với năm ngoái. Nhập khẩu đạt 332,3 tỷ USD, tương đương với mức tăng 26,6%, xuất khẩu đạt mức tăng thấp hơn do ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách với mức tăng 19,1%, tương đương 336,3 tỷ USD. Chính phủ Việt Nam tập trung vào mục tiêu phục hồi kinh tế với gói kích thích kinh tế 350.000 tỷ VND (4,7% GDP) đã được thông qua vào tháng 1 năm 2022. Mặc dù quy mô gói không lớn như kỳ vọng, tuy nhiên nếu thực hiện một cách hiệu quả, thì tác động của gói hỗ trợ đối với nền kinh tế trong năm tới vẫn rất đáng kể.

100%
 CH
 CỘT
 NH

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

6. Thông tin khác

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Lương Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc quản lý tài sản, khối trong nước	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến ngày 12/03/2021: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu - Từ ngày 12/03/2021 đến nay: Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước
	Trần Lê Minh	Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến ngày 12/03/2021: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Từ ngày 12/03/2021 đến nay: Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Ban Đại diện Quỹ	Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam
	Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	- Từ tháng 8/2004 đến tháng 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Thắng - Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán AS - Từ tháng 9/2012 đến tháng 5/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán F&A - Từ 2013 đến tháng 12/2019: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
				- Từ tháng 1/2020 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng
	Trần Ngọc Hân	Thành viên	Thạc sỹ Luật, Luật sư	- Từ 2015 đến nay: Chuyên viên cao cấp Pháp chế tuân thủ
Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	Beat Schurch	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ ngày 30/12/2020 đến nay: Tổng Giám đốc



Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Quỹ đã thực hiện phát hành, và hoán đổi Chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2022



ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngô Thùy Dương
Phó trưởng phòng DVKHTC2

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trần Thúy Quỳnh





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 15 đến trang 70.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.



Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00278-22-1




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2022

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		5.451.899.351.518	1.044.716.309.512
1.1	Cổ tức được chia	02	12	106.057.369.934	27.932.075.326
1.2	Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng	03	12	552.364.279	99.784.019
1.3	Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư	04	13	2.334.623.910.509	30.697.822.855
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	14	3.010.665.706.796	985.986.627.312
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		11.740.518.301	532.491.764
2.1	Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	11	15	11.740.518.301	532.491.764
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF	20		120.776.930.383	13.623.545.509
3.1	Phí quản lý quỹ ETF	20.1	20	92.637.743.009	10.722.660.176
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	20.2	16	3.049.575.571	392.721.742
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	20	5.095.075.882	604.964.122
3.4	Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	20.4	20	2.547.537.930	311.812.823
3.5	Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	20.5		66.000.000	42.048.387
3.6	Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF	20.6	17	16.964.199.446	1.283.987.031
3.7	Chi phí họp, Đại hội quỹ ETF	20.7		27.142.500	-
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		165.000.003	109.999.997
3.11	Chi phí hoạt động khác	20.11	18	224.656.042	155.351.231
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)	23		5.319.381.902.834	1.030.560.272.239
V	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		5.319.381.902.834	1.030.560.272.239
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		2.308.716.196.038	44.573.644.927
6.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32		3.010.665.706.796	985.986.627.312
VI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)	41		5.319.381.902.834	1.030.560.272.239

Ngày 2 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Boet Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B02 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	5	43.242.266.392	39.013.886.580
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	111		43.242.266.392	14.013.886.580
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		-	25.000.000.000
2	Các khoản đầu tư thuần	120		13.755.212.515.450	5.245.932.380.150
2.1	Các khoản đầu tư	121	6	13.755.212.515.450	5.245.932.380.150
3	Các khoản phải thu	130		15.176.853.800	30.821.921
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131		1.672.185.000	-
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		13.504.668.800	30.821.921
3.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136		13.504.668.800	30.821.921
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		13.813.631.635.642	5.284.977.088.651
II	NỢ PHẢI TRẢ				
6	Chi phí phải trả	316	7	133.374.005	96.636.297
8	Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	318	8	3.235.508.687	-
9	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	319	9	18.517.645.737	4.450.324.013
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 316 + 318 + 319)	300		21.886.528.429	4.546.960.310

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu số B02 – ETF


*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 – 300)	400		13.791.745.107.213	5.280.430.128.341
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	10	4.898.000.000.000	3.111.000.000.000
1.1	Vốn góp phát hành	412		6.419.000.000.000	3.229.000.000.000
1.2	Vốn góp hoán đổi lại	413		(1.521.000.000.000)	(118.000.000.000)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	10	2.543.802.932.140	1.138.869.856.102
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	11	6.349.942.175.073	1.030.560.272.239
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430	10	28.157,91	16.973,41
V	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
4	Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	004	10	489.800.000	311.100.000

Ngày 2 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam


Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ


Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng




Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mẫu số B03 – ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (“NAV”) đầu năm/kỳ	5.280.430.128.341	-
II	Thay đổi NAV trong năm/kỳ	5.319.381.902.834	1.030.560.272.239
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm/kỳ	5.319.381.902.834	1.030.560.272.239
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ ETF	3.191.933.076.038	4.249.869.856.102
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành Chứng chỉ quỹ ETF	6.738.824.812.297	4.411.668.821.681
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	(3.546.891.736.259)	(161.798.965.579)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối năm/kỳ (IV = I + II + III)	13.791.745.107.213	5.280.430.128.341

Ngày 2 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam


Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ


Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng




Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B04 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2021 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2021 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			13.755.212.515.450	99,58%
1	ACB	31.116.293	34.500	1.073.512.108.500	7,77%
2	CTD	3.244.160	109.500	355.235.520.000	2,57%
3	CTG	5.288.715	33.900	179.287.438.500	1,30%
4	EIB	3.521.400	33.700	118.671.180.000	0,86%
5	FPT	21.290.012	93.000	1.979.971.116.000	14,33%
6	GMD	7.800.750	47.300	368.975.475.000	2,67%
7	KDH	5.401.702	51.000	275.486.802.000	1,99%
8	MBB	28.571.694	28.900	825.721.956.600	5,98%
9	MSB	16.587.404	29.000	481.034.716.000	3,48%
10	MWG	16.233.326	135.900	2.206.109.003.400	15,97%
11	NLG	7.697.588	64.200	494.185.149.600	3,58%
12	PNJ	15.854.028	96.200	1.525.157.493.600	11,04%
13	REE	12.173.966	69.100	841.221.050.600	6,09%
14	TCB	22.564.900	50.000	1.128.245.000.000	8,17%
15	TPB	12.874.425	41.050	528.495.146.250	3,83%
16	VIB	5.063.072	47.300	239.483.305.600	1,73%
17	VPB	31.687.711	35.800	1.134.420.053.800	8,22%
V	Các tài sản khác				
1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			15.176.853.800	0,11%
VI	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			43.242.266.392	0,31%
VII	Tổng giá trị danh mục			13.813.631.635.642	100,00%

Ngày 2 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B05 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.319.381.902.834	1.030.560.272.239
Điều chỉnh cho:			
Lợi nhuận do việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	02	(1.002.698.678.834)	(16.641.467.265)
Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(3.010.665.706.796)	(985.986.627.312)
Chi phí trích trước	04	36.737.708	96.636.297
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05	1.306.054.254.912	28.028.813.959
Tăng các khoản đầu tư	20	(1.316.292.323.670)	(9.834.358.673)
Tăng phải thu về bán các khoản đầu tư	06	(1.672.185.000)	-
Tăng dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07	(13.473.846.879)	(30.821.921)
Tăng phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	15	3.235.508.687	-
Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	17	14.067.321.724	4.450.324.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19	(8.081.270.226)	22.613.957.378
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	21	28.954.706.297	17.431.518.581
Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	22	(16.645.056.259)	(1.031.589.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	12.309.650.038	16.399.929.202
Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm/kỳ (40 = 19 + 30)	40	4.228.379.812	39.013.886.580



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu số B05 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	50	39.013.886.580	-
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	52	13.895.784.260	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52	25.000.000.000	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	53	118.102.320	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ (Thuyết minh 5)	55	43.242.266.392	39.013.886.580
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	57	43.242.266.392	13.895.784.260
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57	-	25.000.000.000
- Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	58	-	118.102.320
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm/kỳ	60	4.228.379.812	39.013.886.580

Ngày 2 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng số 38/GCN-UBCK vào ngày 27 tháng 2 năm 2020. Theo giấy chứng nhận này, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương 50 lô chứng chỉ quỹ (một lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ). Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp là 102.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương 10.200.000 chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 241/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 5 năm 2020.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung gần nhất vào ngày 27 tháng 4 năm 2021 và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Danh mục đầu tư của Quỹ phải luôn đảm bảo danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN DIAMOND, và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN DIAMOND. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND bao gồm các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch, tỷ lệ P/E và tỷ lệ đầu tư nước ngoài.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- a) Quỹ không được đầu tư vào quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành;
- b) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) (ví dụ: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại) của một tổ chức;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- d) Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- e) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu; và
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm (a), (b), (c) và (d) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 3 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- e) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật; và
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Ngày định giá là ngày giao dịch. Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được định giá hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Quỹ không có cán bộ, công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 98/2012/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ hoán đổi danh mục có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các lãnh thổ khác.

Theo Thông tư 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các thông tin sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 4(c) được đo lường theo giá trị thị trường hay giá trị hợp lý, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(c) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) **Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

3. Thay đổi về chính sách kế toán

Áp dụng Thông tư số 98/2020/TT-BTC

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Thông tư 98 thay thế Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.

Quỹ đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 98 từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và việc áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 98 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 4(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

(i) Phân loại

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh được phân loại là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận ban đầu

Danh mục chứng khoán mà Quỹ thực hiện đầu tư được ghi nhận tại ngày giao dịch.

Danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, giá trị hợp lý được sử dụng để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác

Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới trước ngày định giá.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu

- Trái phiếu niêm yết
 - Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Giá trái phiếu thực hiện theo giá mua cộng lãi lũy kế trong các trường hợp sau:
 - + Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc
 - + Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường. Quy định về biến động bất thường như sau: (i) giá yết (giá sạch) tính theo phương pháp bình quân gia quyền có biến động quá 1,0% so với giá mua đối với trái phiếu chính phủ niêm yết; (ii) giá yết (giá sạch) tính theo phương pháp bình quân gia quyền có biến động quá 0,5% so với giá mua đối với trái phiếu doanh nghiệp.
- Trái phiếu chưa niêm yết
 - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế.
 - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống sử dụng một trong các mức giá sau:
 - + Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế;
 - + Sử dụng phương pháp Giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
- Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM
 - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
 - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
 - Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
 - Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)
 - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt
 - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
 - + Giá mua;
 - + Giá trị sổ sách;
 - + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Chứng khoán phái sinh

- Chứng khoán phái sinh niêm yết
 - Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng mười lăm (15) ngày trở lên được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị được xác định là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày định giá và giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được dừng ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải thu từ đơn vị đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải trả cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, các công cụ tài chính của Quỹ được phân loại như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản được nắm giữ với mục đích bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(h) Thuế

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) theo hướng dẫn của Công văn số 2331/TCT-CS ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Tổng Cục Thuế ban hành (“Công văn 2331”), Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành.

Các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Các tổ chức nước ngoài nếu có giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ phải nộp thuế theo hướng dẫn tại Công văn 2331, và quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và sẽ bị Công ty Quản lý Quỹ khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay theo quy định của pháp luật.

Các nội dung trên là dựa theo quy định tại các Luật về thuế Thu nhập Cá nhân, thuế Thu nhập Doanh nghiệp, thuế Giá trị Gia tăng và Quản lý thuế, được hướng dẫn chi tiết trong các Nghị định và Thông tư liên quan và được trích dẫn cụ thể như trên cũng như hướng dẫn riêng của Tổng Cục thuế tại Công văn 2331 gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội để hướng dẫn về chính sách thuế đối với Quỹ hoán đổi danh mục. Các nội dung trên có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

(i) Vốn góp và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ được phân loại là vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại.

(i) Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu và có thể phát sinh khoản bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau:

- phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ tại ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1);



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành;
- chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

(ii) *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu và khoản thanh toán bằng tiền (nếu có) lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

(iii) *Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp là khoản chênh lệch giữa giá phát hành/giá hoán đổi lại của một chứng chỉ quỹ với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ được phát hành/hoán đổi lại và được ghi nhận cùng thời điểm với ghi nhận vốn góp phát hành/vốn góp hoán đổi lại.

(j) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối là số lãi hoặc lỗ từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ báo cáo.

(k) *Chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ*

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có quyền biểu quyết, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 VND, một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu của mỗi giao dịch hoán đổi là một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và làm tròn xuống lấy đến (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ trước.

5. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	43.242.266.392	13.895.784.260
Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF	-	118.102.320
	<hr/>	<hr/>
	43.242.266.392	14.013.886.580
	<hr/>	<hr/>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	-	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	43.242.266.392	39.013.886.580
	<hr/>	<hr/>

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó, các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá hoán đổi/giá mua VND	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2021 VND	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	[1] 9.758.560.181.342	[2] 13.755.212.515.450	[3] 3.996.652.334.108	[4] -	[5]=[1]+[3]+[4] 13.755.212.515.450

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá hoán đổi/giá mua VND	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2020 VND	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	[1] 4.259.945.752.838	[2] 5.245.932.380.150	[3] 985.986.627.312	[4] -	[5]=[1]+[3]+[4] 5.245.932.380.150

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

7. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phí kiểm toán	110.000.000	76.999.997
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	18.000.000	14.262.295
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	5.374.005	5.374.005
	133.374.005	96.636.297

8. Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về giao dịch bán hộ chứng khoán mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư	3.203.724.849	-
Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán	31.783.838	-
	3.235.508.687	-

9. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phí quản lý Quỹ	9.181.043.402	2.974.769.149
Phí quản trị Quỹ	252.478.696	81.806.152
Phí giám sát Quỹ	504.957.390	163.612.301
Phí lưu ký chứng khoán	229.526.087	74.369.228
Phí giao dịch chứng khoán	7.200.000	300.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho HOSE	3.324.229.869	606.808.158
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả cho HOSE	2.659.383.907	532.159.025
Phí dịch vụ tạo lập thị trường	2.342.326.386	-
	18.517.645.737	4.450.324.013

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

10. Vốn góp của nhà đầu tư và thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 43/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 102.000.000.000 VND tương ứng với 10.200.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ hoán đổi danh mục nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	Đơn vị	31/12/2020	Phát sinh trong năm	31/12/2021
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	322.900.000	319.000.000	641.900.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	3.229.000.000.000	3.190.000.000.000	6.419.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	1.182.668.821.681	3.548.824.812.297	4.731.493.633.978
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	4.411.668.821.681	6.738.824.812.297	11.150.493.633.978
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (5)	CCQ	(11.800.000)	(140.300.000)	(152.100.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(118.000.000.000)	(1.403.000.000.000)	(1.521.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7)	VND	(43.798.965.579)	(2.143.891.736.259)	(2.187.690.701.838)
Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(161.798.965.579)	(3.546.891.736.259)	(3.708.690.701.838)
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)				
	CCQ	311.100.000	178.700.000	489.800.000
Giá trị vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)				
	VND	3.111.000.000.000	1.787.000.000.000	4.898.000.000.000
Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư (11) = (3) + (7)				
	VND	1.138.869.856.102	1.404.933.076.038	2.543.802.932.140
Lợi nhuận chưa phân phối (12)				
	VND	1.030.560.272.239	5.319.381.902.834	6.349.942.175.073
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)				
	VND	5.280.430.128.341	Không áp dụng	13.791.745.107.213
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)				
	VND/ CCQ	16.973,41	Không áp dụng	28.157,91
NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (15) = (13)/{(9)/100.000 CCQ}				
	NAV/ Lô CCQ	1.697.341.732	Không áp dụng	2.815.791.161

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***11. Lợi nhuận chưa phân phối**

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm/kỳ	1.030.560.272.239	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm/kỳ	5.319.381.902.834	1.030.560.272.239
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện và chưa phân phối</i>	<i>2.308.716.196.038</i>	<i>44.573.644.927</i>
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>3.010.665.706.796</i>	<i>985.986.627.312</i>
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm/kỳ	6.349.942.175.073	1.030.560.272.239

12. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Cổ tức được chia trong năm/kỳ		
▪ Cổ tức đã nhận	92.552.701.134	27.932.075.326
▪ Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	13.504.668.800	-
	<hr/>	<hr/>
	106.057.369.934	27.932.075.326
Tiền lãi được nhận trong năm/kỳ		
▪ Tiền lãi đã nhận	552.364.279	68.962.098
▪ Dự thu lãi chưa đến ngày nhận	-	30.821.921
	<hr/>	<hr/>
	552.364.279	99.784.019
	<hr/>	<hr/>
	106.609.734.213	28.031.859.345

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF
(Ban hành theo Thông tư số 18/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

13. Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán trong năm VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đầu năm VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	8.053.119.402.805	5.718.495.492.296	2.334.623.910.509	2.365.321.733.364	30.697.822.855

Giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán trong kỳ VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2020 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đầu kỳ VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	351.244.147.947	320.546.325.092	30.697.822.855	30.697.822.855	-

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF
(Ban hành theo Thông tư số 18/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

14. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh mục các khoản đầu tư	Giá mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2021 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2021 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	9.758.560.181.342	13.755.212.515.450	3.996.652.334.108	985.986.627.312	3.010.665.706.796

Giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Danh mục các khoản đầu tư	Giá mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2020 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 22/4/2020 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	4.259.945.752.838	5.245.932.380.150	985.986.627.312	-	985.986.627.312

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí giao dịch hoán đổi, mua bán các khoản đầu tư**

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư (*)	6.134.599.625	275.386.521
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư (*)	5.605.918.676	257.105.243
	11.740.518.301	532.491.764

(*) Chi phí môi giới giao dịch mua, bán các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chủ yếu phí môi giới cho việc mua, bán các cổ phiếu niêm yết.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Trong năm, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo)	Quan hệ với công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch trên thị trường	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán [3]	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) [4]			
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5] = [3]/[4]	[6]	[7]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	2.511.194.670.000	9.030.112.537.605	27,81%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Không liên quan	2.244.531.209.055	9.030.112.537.605	24,86%	0,07%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	2.046.834.620.000	9.030.112.537.605	22,67%	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty CP Chứng khoán Bàn Việt	Không liên quan	1.084.211.648.550	9.030.112.537.605	12,01%	0,15%	0,15%-0,50%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	721.251.930.000	9.030.112.537.605	7,99%	0,15%	0,15%-0,50%
Tổng			8.608.024.077.605		95,34%		

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch hoán đổi và thực hiện quyền) và các giao dịch mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Tên các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo) [1]	Quan hệ với công ty quản lý quỹ [2]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân [6]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [7]
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán [3]	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) [4]		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	135.150.909.600	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	60.009.337.000	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam	Không liên quan	53.470.000.000	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	53.091.956.230	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Không liên quan	40.754.859.247	376.731.546.577	0,07%	0,15%-0,50%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	34.254.484.500	376.731.546.577	0,15%	0,15%-0,50%
Tổng			376.731.546.577		100,00%	

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch hoán đổi và thực hiện quyền) và các giao dịch mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***16. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF**

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 20)	2.315.943.575	274.828.176
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 20)	57.500.000	10.000.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	676.131.996	107.893.566
	3.049.575.571	392.721.742

17. Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV)	5.789.858.935	667.098.878
Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu	4.631.887.164	616.888.153
Phí dịch vụ tạo lập thị trường	6.542.453.347	-
	16.964.199.446	1.283.987.031

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho HOSE và phí dịch vụ tạo lập thị trường theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (không chịu thuế giá trị gia tăng (“GTGT”))	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 500 tỷ VND: 0,080% NAV mỗi năm;NAV từ 500 tỷ VND đến dưới 1.000 tỷ VND: 0,065% NAV mỗi năm;NAV từ 1.000 tỷ VND đến dưới 2.000 tỷ VND: 0,055% NAV mỗi năm;NAV từ 2.000 tỷ VND trở lên: 0,040% NAV mỗi năm.
Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) (không chịu thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none">0,05% NAV mỗi năm
Phí dịch vụ tạo lập thị trường	<ul style="list-style-type: none">Tối đa 0,08% NAV mỗi năm

Phí trả cho HOSE quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối thiểu là 240 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Phí trả cho HOSE cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) tối thiểu là 50 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Các phí trên được tính theo từng kỳ định giá NAV tương ứng với ngày làm việc trong tháng. Số phí của mỗi kỳ định giá NAV được tính dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả mỗi sáu tháng một lần (“kỳ thanh toán”) đối với phí trả HOSE và được trả mỗi quý một lần đối với phí dịch vụ tạo lập thị trường. Số phí trả trong mỗi kỳ thanh toán là tổng số phí được tính theo từng kỳ định giá NAV phát sinh trong kỳ thanh toán.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí hoạt động khác**

	2021	Giai đoạn từ
	VND	22/4/2020 đến
		31/12/2020
		VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 20)	117.000.000	68.262.295
Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ và chi phí hoạt động khác	107.656.042	87.088.936
Trong đó:		
▪ Chi phí thiết lập quỹ	-	50.000.000
▪ Phí niêm yết trả cho HOSE	30.000.000	17.500.000
▪ Phí ngân hàng	48.872.854	14.214.931
▪ Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	-	5.374.005
▪ Phí thiết kế, in ấn, gửi thư	18.283.188	-
▪ Phí thực hiện quyền trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	10.500.000	-
	<hr/>	
	224.656.042	155.351.231
	<hr/>	

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

19. Giá trị tài sản ròng

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			Tăng/(giảm) NAV/ICCC
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCC tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.280.430.128.341	311.100.000	16.973,41	
2	Ngày 1 tháng 1 năm 2021	5.280.010.319.349	311.100.000	16.972,06	(1,35)
3	Ngày 2 tháng 1 năm 2021	5.280.010.319.349	311.100.000	16.972,06	-
4	Ngày 3 tháng 1 năm 2021	5.280.010.319.349	311.100.000	16.972,06	-
5	Ngày 4 tháng 1 năm 2021	5.489.295.422.131	315.300.000	17.409,75	437,69
6	Ngày 5 tháng 1 năm 2021	5.577.240.708.812	316.300.000	17.632,75	223,00
7	Ngày 6 tháng 1 năm 2021	5.637.290.248.809	317.300.000	17.766,43	133,68
8	Ngày 7 tháng 1 năm 2021	5.739.959.466.639	318.300.000	18.033,17	266,74
9	Ngày 8 tháng 1 năm 2021	5.847.216.871.381	320.200.000	18.261,13	227,96
10	Ngày 9 tháng 1 năm 2021	5.847.216.871.381	320.200.000	18.261,13	-
11	Ngày 10 tháng 1 năm 2021	5.847.216.871.381	320.200.000	18.261,13	-
12	Ngày 11 tháng 1 năm 2021	5.968.266.179.690	323.600.000	18.443,34	182,21
13	Ngày 12 tháng 1 năm 2021	6.098.667.508.457	328.400.000	18.570,85	127,51
14	Ngày 13 tháng 1 năm 2021	6.180.975.075.741	332.600.000	18.583,80	12,95
15	Ngày 14 tháng 1 năm 2021	6.415.178.519.717	342.200.000	18.746,86	163,06
16	Ngày 15 tháng 1 năm 2021	6.531.002.423.975	344.300.000	18.968,92	222,06
17	Ngày 16 tháng 1 năm 2021	6.531.002.423.975	344.300.000	18.968,92	-
18	Ngày 17 tháng 1 năm 2021	6.531.002.423.975	344.300.000	18.968,92	-
19	Ngày 18 tháng 1 năm 2021	6.507.272.455.233	346.700.000	18.769,17	(199,75)
20	Ngày 19 tháng 1 năm 2021	6.284.053.235.714	355.600.000	17.671,69	(1.097,48)
21	Ngày 20 tháng 1 năm 2021	6.363.411.395.719	356.400.000	17.854,68	182,99
22	Ngày 21 tháng 1 năm 2021	6.692.753.595.103	362.200.000	18.478,06	623,38
23	Ngày 22 tháng 1 năm 2021	6.834.117.117.712	366.300.000	18.657,15	179,09
24	Ngày 23 tháng 1 năm 2021	6.834.117.117.712	366.300.000	18.657,15	-
25	Ngày 24 tháng 1 năm 2021	6.834.117.117.712	366.300.000	18.657,15	-
26	Ngày 25 tháng 1 năm 2021	6.904.578.362.941	367.700.000	18.777,74	120,59
27	Ngày 26 tháng 1 năm 2021	6.807.103.044.075	369.900.000	18.402,54	(375,20)
28	Ngày 27 tháng 1 năm 2021	6.727.764.317.874	378.200.000	17.788,90	(613,64)
29	Ngày 28 tháng 1 năm 2021	6.358.815.748.933	383.400.000	16.585,33	(1.203,57)
30	Ngày 29 tháng 1 năm 2021	6.629.597.892.572	383.400.000	17.291,59	706,26
31	Ngày 30 tháng 1 năm 2021	6.629.597.892.572	383.400.000	17.291,59	-
32	Ngày 31 tháng 1 năm 2021	6.629.597.892.572	383.400.000	17.291,59	-
33	Ngày 1 tháng 2 năm 2021	6.467.677.309.475	383.400.000	16.869,26	(422,33)
34	Ngày 2 tháng 2 năm 2021	6.728.233.408.981	383.400.000	17.548,86	679,60
35	Ngày 3 tháng 2 năm 2021	6.951.731.431.170	383.400.000	18.131,79	582,93
36	Ngày 4 tháng 2 năm 2021	7.481.224.846.602	407.500.000	18.358,83	227,04
37	Ngày 5 tháng 2 năm 2021	7.897.778.945.790	423.100.000	18.666,45	307,62
38	Ngày 6 tháng 2 năm 2021	7.897.778.945.790	423.100.000	18.666,45	-
39	Ngày 7 tháng 2 năm 2021	7.897.778.945.790	423.100.000	18.666,45	-



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC**ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			Tăng/(giảm) NAV/ICCG
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
40	Ngày 8 tháng 2 năm 2021	7.873.135.429.920	434.700.000	18.111,65	(554,80)
41	Ngày 9 tháng 2 năm 2021	8.179.572.152.897	436.400.000	18.743,29	631,64
42	Ngày 10 tháng 2 năm 2021	8.179.572.152.897	436.400.000	18.743,29	-
43	Ngày 11 tháng 2 năm 2021	8.179.572.152.897	436.400.000	18.743,29	-
44	Ngày 12 tháng 2 năm 2021	8.178.474.336.447	436.400.000	18.740,77	(2,52)
45	Ngày 13 tháng 2 năm 2021	8.178.474.336.447	436.400.000	18.740,77	-
46	Ngày 14 tháng 2 năm 2021	8.178.474.336.447	436.400.000	18.740,77	-
47	Ngày 15 tháng 2 năm 2021	8.178.474.336.447	436.400.000	18.740,77	-
48	Ngày 16 tháng 2 năm 2021	8.178.474.336.447	436.400.000	18.740,77	-
49	Ngày 17 tháng 2 năm 2021	8.643.368.856.930	438.500.000	19.711,21	970,44
50	Ngày 18 tháng 2 năm 2021	8.760.998.353.670	439.600.000	19.929,47	218,26
51	Ngày 19 tháng 2 năm 2021	8.814.075.080.493	445.600.000	19.780,24	(149,23)
52	Ngày 20 tháng 2 năm 2021	8.814.075.080.493	445.600.000	19.780,24	-
53	Ngày 21 tháng 2 năm 2021	8.814.075.080.493	445.600.000	19.780,24	-
54	Ngày 22 tháng 2 năm 2021	8.850.623.884.001	448.800.000	19.720,64	(59,60)
55	Ngày 23 tháng 2 năm 2021	8.833.136.301.314	448.900.000	19.677,29	(43,35)
56	Ngày 24 tháng 2 năm 2021	8.751.218.593.045	449.700.000	19.460,12	(217,17)
57	Ngày 25 tháng 2 năm 2021	8.818.333.892.425	450.800.000	19.561,52	101,40
58	Ngày 26 tháng 2 năm 2021	8.851.451.560.778	451.300.000	19.613,23	51,71
59	Ngày 27 tháng 2 năm 2021	8.851.451.560.778	451.300.000	19.613,23	-
60	Ngày 28 tháng 2 năm 2021	8.851.451.560.778	451.300.000	19.613,23	-
61	Ngày 1 tháng 3 năm 2021	8.989.921.540.294	451.400.000	19.915,64	302,41
62	Ngày 2 tháng 3 năm 2021	9.003.769.123.926	451.700.000	19.933,07	17,43
63	Ngày 3 tháng 3 năm 2021	9.057.689.998.579	453.000.000	19.994,90	61,83
64	Ngày 4 tháng 3 năm 2021	8.870.762.341.716	453.700.000	19.552,04	(442,86)
65	Ngày 5 tháng 3 năm 2021	8.919.325.296.153	456.300.000	19.547,06	(4,98)
66	Ngày 6 tháng 3 năm 2021	8.919.325.296.153	456.300.000	19.547,06	-
67	Ngày 7 tháng 3 năm 2021	8.919.325.296.153	456.300.000	19.547,06	-
68	Ngày 8 tháng 3 năm 2021	8.900.527.825.851	457.200.000	19.467,47	(79,59)
69	Ngày 9 tháng 3 năm 2021	8.851.763.388.912	457.900.000	19.331,21	(136,26)
70	Ngày 10 tháng 3 năm 2021	9.047.632.973.754	462.400.000	19.566,68	235,47
71	Ngày 11 tháng 3 năm 2021	9.183.557.477.114	463.100.000	19.830,61	263,93
72	Ngày 12 tháng 3 năm 2021	9.287.712.725.601	469.100.000	19.799,00	(31,61)
73	Ngày 13 tháng 3 năm 2021	9.287.712.725.601	469.100.000	19.799,00	-
74	Ngày 14 tháng 3 năm 2021	9.287.712.725.601	469.100.000	19.799,00	-
75	Ngày 15 tháng 3 năm 2021	9.370.768.015.700	470.300.000	19.925,08	126,08
76	Ngày 16 tháng 3 năm 2021	9.462.555.852.216	472.100.000	20.043,54	118,46
77	Ngày 17 tháng 3 năm 2021	9.709.710.622.126	481.900.000	20.148,80	105,26
78	Ngày 18 tháng 3 năm 2021	9.901.085.710.122	485.100.000	20.410,40	261,60
79	Ngày 19 tháng 3 năm 2021	9.919.562.430.069	487.200.000	20.360,34	(50,06)
80	Ngày 20 tháng 3 năm 2021	9.919.562.430.069	487.200.000	20.360,34	-

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
81	Ngày 21 tháng 3 năm 2021	9.919.562.430.069	487.200.000	20.360,34	-
82	Ngày 22 tháng 3 năm 2021	9.864.917.306.004	487.700.000	20.227,42	(132,92)
83	Ngày 23 tháng 3 năm 2021	9.784.976.454.444	488.300.000	20.038,86	(188,56)
84	Ngày 24 tháng 3 năm 2021	9.617.438.843.046	489.700.000	19.639,45	(399,41)
85	Ngày 25 tháng 3 năm 2021	9.601.014.249.985	490.700.000	19.565,95	(73,50)
86	Ngày 26 tháng 3 năm 2021	9.598.795.876.589	491.900.000	19.513,71	(52,24)
87	Ngày 27 tháng 3 năm 2021	9.598.795.876.589	491.900.000	19.513,71	-
88	Ngày 28 tháng 3 năm 2021	9.598.795.876.589	491.900.000	19.513,71	-
89	Ngày 29 tháng 3 năm 2021	9.754.113.581.197	492.800.000	19.793,24	279,53
90	Ngày 30 tháng 3 năm 2021	9.793.070.072.625	493.900.000	19.828,04	34,80
91	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	9.799.077.340.633	493.900.000	19.840,20	12,16
92	Ngày 1 tháng 4 năm 2021	10.035.888.673.240	494.100.000	20.311,45	471,25
93	Ngày 2 tháng 4 năm 2021	10.120.584.947.366	494.400.000	20.470,43	158,98
94	Ngày 3 tháng 4 năm 2021	10.120.584.947.366	494.400.000	20.470,43	-
95	Ngày 4 tháng 4 năm 2021	10.120.584.947.366	494.400.000	20.470,43	-
96	Ngày 5 tháng 4 năm 2021	10.157.555.404.380	495.300.000	20.507,88	37,45
97	Ngày 6 tháng 4 năm 2021	10.225.044.572.638	496.300.000	20.602,54	94,66
98	Ngày 7 tháng 4 năm 2021	10.283.346.826.256	496.300.000	20.720,02	117,48
99	Ngày 8 tháng 4 năm 2021	10.337.078.327.147	500.800.000	20.641,13	(78,89)
100	Ngày 9 tháng 4 năm 2021	10.420.113.207.688	500.800.000	20.806,93	165,80
101	Ngày 10 tháng 4 năm 2021	10.420.113.207.688	500.800.000	20.806,93	-
102	Ngày 11 tháng 4 năm 2021	10.420.113.207.688	500.800.000	20.806,93	-
103	Ngày 12 tháng 4 năm 2021	10.562.703.962.076	501.400.000	21.066,42	259,49
104	Ngày 13 tháng 4 năm 2021	10.516.794.549.828	503.800.000	20.874,93	(191,49)
105	Ngày 14 tháng 4 năm 2021	10.571.885.106.341	504.100.000	20.971,80	96,87
106	Ngày 15 tháng 4 năm 2021	10.444.237.543.995	504.100.000	20.718,58	(253,22)
107	Ngày 16 tháng 4 năm 2021	10.365.862.707.359	505.300.000	20.514,27	(204,31)
108	Ngày 17 tháng 4 năm 2021	10.365.862.707.359	505.300.000	20.514,27	-
109	Ngày 18 tháng 4 năm 2021	10.365.862.707.359	505.300.000	20.514,27	-
110	Ngày 19 tháng 4 năm 2021	10.608.844.161.227	506.600.000	20.941,26	426,99
111	Ngày 20 tháng 4 năm 2021	10.688.116.139.668	507.100.000	21.076,93	135,67
112	Ngày 21 tháng 4 năm 2021	10.688.116.139.668	507.100.000	21.076,93	-
113	Ngày 22 tháng 4 năm 2021	10.444.014.910.444	507.600.000	20.575,28	(501,65)
114	Ngày 23 tháng 4 năm 2021	10.800.595.747.393	507.800.000	21.269,38	694,10
115	Ngày 24 tháng 4 năm 2021	10.800.595.747.393	507.800.000	21.269,38	-
116	Ngày 25 tháng 4 năm 2021	10.800.595.747.393	507.800.000	21.269,38	-
117	Ngày 26 tháng 4 năm 2021	10.623.390.635.633	507.400.000	20.936,91	(332,47)
118	Ngày 27 tháng 4 năm 2021	10.956.811.781.375	523.300.000	20.937,91	1,00
119	Ngày 28 tháng 4 năm 2021	11.025.752.589.412	523.300.000	21.069,65	131,74
120	Ngày 29 tháng 4 năm 2021	11.232.441.542.506	523.300.000	21.464,63	394,98
121	Ngày 30 tháng 4 năm 2021	11.232.140.380.754	523.300.000	21.464,05	(0,58)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC**ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			Tăng/(giảm) NAV/ICQ
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
122	Ngày 1 tháng 5 năm 2021	11.231.236.966.569	523.300.000	21.462,32	(1,73)
123	Ngày 2 tháng 5 năm 2021	11.231.236.966.569	523.300.000	21.462,32	-
124	Ngày 3 tháng 5 năm 2021	11.231.236.966.569	523.300.000	21.462,32	-
125	Ngày 4 tháng 5 năm 2021	11.344.192.675.302	523.300.000	21.678,18	215,86
126	Ngày 5 tháng 5 năm 2021	11.512.315.495.721	523.300.000	21.999,45	321,27
127	Ngày 6 tháng 5 năm 2021	11.564.069.226.850	523.300.000	22.098,35	98,90
128	Ngày 7 tháng 5 năm 2021	11.557.930.298.021	523.300.000	22.086,62	(11,73)
129	Ngày 8 tháng 5 năm 2021	11.557.930.298.021	523.300.000	22.086,62	-
130	Ngày 9 tháng 5 năm 2021	11.557.930.298.021	523.300.000	22.086,62	-
131	Ngày 10 tháng 5 năm 2021	11.860.990.254.197	529.800.000	22.387,67	301,05
132	Ngày 11 tháng 5 năm 2021	11.871.251.842.431	532.200.000	22.305,99	(81,68)
133	Ngày 12 tháng 5 năm 2021	12.116.662.686.306	533.900.000	22.694,62	388,63
134	Ngày 13 tháng 5 năm 2021	12.042.233.971.454	534.100.000	22.546,77	(147,85)
135	Ngày 14 tháng 5 năm 2021	12.149.686.262.188	534.100.000	22.747,96	201,19
136	Ngày 15 tháng 5 năm 2021	12.149.686.262.188	534.100.000	22.747,96	-
137	Ngày 16 tháng 5 năm 2021	12.149.686.262.188	534.100.000	22.747,96	-
138	Ngày 17 tháng 5 năm 2021	12.115.964.003.826	534.400.000	22.672,08	(75,88)
139	Ngày 18 tháng 5 năm 2021	12.165.416.073.496	534.400.000	22.764,62	92,54
140	Ngày 19 tháng 5 năm 2021	12.370.967.287.450	534.400.000	23.149,26	384,64
141	Ngày 20 tháng 5 năm 2021	12.726.285.767.760	534.400.000	23.814,15	664,89
142	Ngày 21 tháng 5 năm 2021	12.677.023.880.442	533.900.000	23.744,19	(69,96)
143	Ngày 22 tháng 5 năm 2021	12.677.023.880.442	533.900.000	23.744,19	-
144	Ngày 23 tháng 5 năm 2021	12.677.023.880.442	533.900.000	23.744,19	-
145	Ngày 24 tháng 5 năm 2021	12.732.393.509.913	533.900.000	23.847,89	103,70
146	Ngày 25 tháng 5 năm 2021	12.824.571.723.959	533.900.000	24.020,55	172,66
147	Ngày 26 tháng 5 năm 2021	12.765.888.332.327	525.900.000	24.274,36	253,81
148	Ngày 27 tháng 5 năm 2021	12.612.868.326.642	525.900.000	23.983,39	(290,97)
149	Ngày 28 tháng 5 năm 2021	12.795.170.780.804	525.700.000	24.339,30	355,91
150	Ngày 29 tháng 5 năm 2021	12.795.170.780.804	525.700.000	24.339,30	-
151	Ngày 30 tháng 5 năm 2021	12.795.170.780.804	525.700.000	24.339,30	-
152	Ngày 31 tháng 5 năm 2021	12.966.349.107.878	526.000.000	24.650,85	311,55
153	Ngày 1 tháng 6 năm 2021	13.001.631.941.922	524.700.000	24.779,17	128,32
154	Ngày 2 tháng 6 năm 2021	13.023.037.496.097	522.400.000	24.929,24	150,07
155	Ngày 3 tháng 6 năm 2021	13.257.081.112.079	521.900.000	25.401,57	472,33
156	Ngày 4 tháng 6 năm 2021	13.247.763.661.432	522.400.000	25.359,42	(42,15)
157	Ngày 5 tháng 6 năm 2021	13.247.763.661.432	522.400.000	25.359,42	-
158	Ngày 6 tháng 6 năm 2021	13.247.763.661.432	522.400.000	25.359,42	-
159	Ngày 7 tháng 6 năm 2021	12.925.363.886.999	522.400.000	24.742,27	(617,15)
160	Ngày 8 tháng 6 năm 2021	12.541.418.492.103	523.600.000	23.952,28	(789,99)
161	Ngày 9 tháng 6 năm 2021	12.772.381.383.298	524.700.000	24.342,25	389,97
162	Ngày 10 tháng 6 năm 2021	12.753.038.271.266	525.900.000	24.249,93	(92,32)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCO tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCO
163	Ngày 11 tháng 6 năm 2021	13.048.247.742.806	527.300.000	24.745,39	495,46
164	Ngày 12 tháng 6 năm 2021	13.048.247.742.806	527.300.000	24.745,39	-
165	Ngày 13 tháng 6 năm 2021	13.048.247.742.806	527.300.000	24.745,39	-
166	Ngày 14 tháng 6 năm 2021	13.071.365.285.706	528.400.000	24.737,63	(7,76)
167	Ngày 15 tháng 6 năm 2021	12.993.758.194.078	529.600.000	24.535,04	(202,59)
168	Ngày 16 tháng 6 năm 2021	12.757.732.511.513	530.400.000	24.053,04	(482,00)
169	Ngày 17 tháng 6 năm 2021	12.772.188.940.750	522.100.000	24.463,10	410,06
170	Ngày 18 tháng 6 năm 2021	12.936.937.273.686	522.300.000	24.769,16	306,06
171	Ngày 19 tháng 6 năm 2021	12.936.937.273.686	522.300.000	24.769,16	-
172	Ngày 20 tháng 6 năm 2021	12.936.937.273.686	522.300.000	24.769,16	-
173	Ngày 21 tháng 6 năm 2021	12.981.777.923.770	522.700.000	24.836,00	66,84
174	Ngày 22 tháng 6 năm 2021	13.079.950.483.893	523.400.000	24.990,35	154,35
175	Ngày 23 tháng 6 năm 2021	13.192.296.817.346	527.400.000	25.013,83	23,48
176	Ngày 24 tháng 6 năm 2021	13.180.946.627.750	527.700.000	24.978,10	(35,73)
177	Ngày 25 tháng 6 năm 2021	13.212.871.025.802	528.200.000	25.014,90	36,80
178	Ngày 26 tháng 6 năm 2021	13.212.871.025.802	528.200.000	25.014,90	-
179	Ngày 27 tháng 6 năm 2021	13.212.871.025.802	528.200.000	25.014,90	-
180	Ngày 28 tháng 6 năm 2021	13.436.434.715.912	529.400.000	25.380,49	365,59
181	Ngày 29 tháng 6 năm 2021	13.482.540.889.115	528.700.000	25.501,30	120,81
182	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	13.530.434.553.505	529.800.000	25.538,75	37,45
183	Ngày 1 tháng 7 năm 2021	13.677.067.960.299	530.500.000	25.781,46	242,71
184	Ngày 2 tháng 7 năm 2021	13.949.808.183.115	533.300.000	26.157,52	376,06
185	Ngày 3 tháng 7 năm 2021	13.949.808.183.115	533.300.000	26.157,52	-
186	Ngày 4 tháng 7 năm 2021	13.949.808.183.115	533.300.000	26.157,52	-
187	Ngày 5 tháng 7 năm 2021	14.206.943.483.252	533.000.000	26.654,67	497,15
188	Ngày 6 tháng 7 năm 2021	13.497.685.385.683	533.200.000	25.314,48	(1.340,19)
189	Ngày 7 tháng 7 năm 2021	14.012.547.936.643	533.800.000	26.250,55	936,07
190	Ngày 8 tháng 7 năm 2021	14.034.604.550.880	534.200.000	26.272,19	21,64
191	Ngày 9 tháng 7 năm 2021	13.983.290.197.798	534.200.000	26.176,13	(96,06)
192	Ngày 10 tháng 7 năm 2021	13.983.290.197.798	534.200.000	26.176,13	-
193	Ngày 11 tháng 7 năm 2021	13.983.290.197.798	534.200.000	26.176,13	-
194	Ngày 12 tháng 7 năm 2021	13.440.974.394.943	533.600.000	25.189,23	(986,90)
195	Ngày 13 tháng 7 năm 2021	13.458.282.303.803	535.800.000	25.118,10	(71,13)
196	Ngày 14 tháng 7 năm 2021	13.010.698.229.549	535.800.000	24.282,75	(835,35)
197	Ngày 15 tháng 7 năm 2021	13.212.507.136.550	537.000.000	24.604,29	321,54
198	Ngày 16 tháng 7 năm 2021	13.330.261.659.960	537.900.000	24.782,04	177,75
199	Ngày 17 tháng 7 năm 2021	13.330.261.659.960	537.900.000	24.782,04	-
200	Ngày 18 tháng 7 năm 2021	13.330.261.659.960	537.900.000	24.782,04	-
201	Ngày 19 tháng 7 năm 2021	12.733.064.595.389	539.400.000	23.605,97	(1.176,07)
202	Ngày 20 tháng 7 năm 2021	13.108.185.341.793	540.900.000	24.234,02	628,05
203	Ngày 21 tháng 7 năm 2021	13.041.325.061.115	538.300.000	24.226,87	(7,15)



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ
204	Ngày 22 tháng 7 năm 2021	13.278.555.571.662	538.600.000	24.653,83	426,96
205	Ngày 23 tháng 7 năm 2021	12.972.833.035.341	536.100.000	24.198,53	(455,30)
206	Ngày 24 tháng 7 năm 2021	12.972.833.035.341	536.100.000	24.198,53	-
207	Ngày 25 tháng 7 năm 2021	12.972.833.035.341	536.100.000	24.198,53	-
208	Ngày 26 tháng 7 năm 2021	12.991.261.460.540	535.200.000	24.273,65	75,12
209	Ngày 27 tháng 7 năm 2021	13.006.889.146.805	535.200.000	24.302,85	29,20
210	Ngày 28 tháng 7 năm 2021	12.946.012.917.982	535.200.000	24.189,11	(113,74)
211	Ngày 29 tháng 7 năm 2021	13.325.767.323.745	538.500.000	24.746,08	556,97
212	Ngày 30 tháng 7 năm 2021	13.673.760.839.768	539.600.000	25.340,55	594,47
213	Ngày 31 tháng 7 năm 2021	13.673.760.839.768	539.600.000	25.340,55	-
214	Ngày 1 tháng 8 năm 2021	13.673.365.282.423	539.600.000	25.339,81	(0,74)
215	Ngày 2 tháng 8 năm 2021	13.727.511.089.179	540.000.000	25.421,31	81,50
216	Ngày 3 tháng 8 năm 2021	13.729.956.834.779	536.100.000	25.610,81	189,50
217	Ngày 4 tháng 8 năm 2021	13.742.158.236.484	536.900.000	25.595,37	(15,44)
218	Ngày 5 tháng 8 năm 2021	13.879.570.110.349	536.900.000	25.851,31	255,94
219	Ngày 6 tháng 8 năm 2021	13.853.021.066.562	538.400.000	25.729,97	(121,34)
220	Ngày 7 tháng 8 năm 2021	13.853.021.066.562	538.400.000	25.729,97	-
221	Ngày 8 tháng 8 năm 2021	13.853.021.066.562	538.400.000	25.729,97	-
222	Ngày 9 tháng 8 năm 2021	14.034.478.124.203	538.900.000	26.042,82	312,85
223	Ngày 10 tháng 8 năm 2021	14.099.493.465.060	541.600.000	26.033,03	(9,79)
224	Ngày 11 tháng 8 năm 2021	14.044.065.519.909	541.800.000	25.921,12	(111,91)
225	Ngày 12 tháng 8 năm 2021	13.854.248.235.003	541.400.000	25.589,67	(331,45)
226	Ngày 13 tháng 8 năm 2021	13.897.317.226.149	538.300.000	25.817,04	227,37
227	Ngày 14 tháng 8 năm 2021	13.897.317.226.149	538.300.000	25.817,04	-
228	Ngày 15 tháng 8 năm 2021	13.897.317.226.149	538.300.000	25.817,04	-
229	Ngày 16 tháng 8 năm 2021	13.984.069.296.526	535.500.000	26.114,04	297,00
230	Ngày 17 tháng 8 năm 2021	13.895.224.392.675	534.200.000	26.011,27	(102,77)
231	Ngày 18 tháng 8 năm 2021	13.881.776.268.853	533.500.000	26.020,19	8,92
232	Ngày 19 tháng 8 năm 2021	13.835.156.695.267	532.400.000	25.986,39	(33,80)
233	Ngày 20 tháng 8 năm 2021	13.117.030.968.469	521.200.000	25.166,98	(819,41)
234	Ngày 21 tháng 8 năm 2021	13.117.030.968.469	521.200.000	25.166,98	-
235	Ngày 22 tháng 8 năm 2021	13.117.030.968.469	521.200.000	25.166,98	-
236	Ngày 23 tháng 8 năm 2021	12.719.772.658.808	521.400.000	24.395,42	(771,56)
237	Ngày 24 tháng 8 năm 2021	12.718.026.800.708	518.400.000	24.533,23	137,81
238	Ngày 25 tháng 8 năm 2021	12.677.251.347.841	513.600.000	24.683,12	149,89
239	Ngày 26 tháng 8 năm 2021	12.601.285.073.129	511.800.000	24.621,50	(61,62)
240	Ngày 27 tháng 8 năm 2021	12.668.425.058.482	511.800.000	24.752,68	131,18
241	Ngày 28 tháng 8 năm 2021	12.668.425.058.482	511.800.000	24.752,68	-
242	Ngày 29 tháng 8 năm 2021	12.668.425.058.482	511.800.000	24.752,68	-
243	Ngày 30 tháng 8 năm 2021	12.832.117.388.953	511.800.000	25.072,52	319,84
244	Ngày 31 tháng 8 năm 2021	12.758.713.399.738	510.000.000	25.017,08	(55,44)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
245	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	12.679.182.164.002	507.100.000	25.003,31	(13,77)
246	Ngày 2 tháng 9 năm 2021	12.679.182.164.002	507.100.000	25.003,31	-
247	Ngày 3 tháng 9 năm 2021	12.678.093.851.820	507.100.000	25.001,17	(2,14)
248	Ngày 4 tháng 9 năm 2021	12.678.093.851.820	507.100.000	25.001,17	-
249	Ngày 5 tháng 9 năm 2021	12.678.093.851.820	507.100.000	25.001,17	-
250	Ngày 6 tháng 9 năm 2021	12.735.407.211.244	503.700.000	25.283,71	282,54
251	Ngày 7 tháng 9 năm 2021	12.718.642.206.202	503.800.000	25.245,41	(38,30)
252	Ngày 8 tháng 9 năm 2021	12.484.970.420.527	497.500.000	25.095,41	(150,00)
253	Ngày 9 tháng 9 năm 2021	12.836.658.556.843	500.000.000	25.673,31	577,90
254	Ngày 10 tháng 9 năm 2021	12.838.321.420.140	498.000.000	25.779,76	106,45
255	Ngày 11 tháng 9 năm 2021	12.838.321.420.140	498.000.000	25.779,76	-
256	Ngày 12 tháng 9 năm 2021	12.838.321.420.140	498.000.000	25.779,76	-
257	Ngày 13 tháng 9 năm 2021	12.786.975.155.319	495.200.000	25.821,83	42,07
258	Ngày 14 tháng 9 năm 2021	12.650.008.993.085	494.500.000	25.581,41	(240,42)
259	Ngày 15 tháng 9 năm 2021	12.685.694.044.162	494.000.000	25.679,54	98,13
260	Ngày 16 tháng 9 năm 2021	12.762.143.488.480	493.400.000	25.865,71	186,17
261	Ngày 17 tháng 9 năm 2021	12.819.013.841.949	491.100.000	26.102,65	236,94
262	Ngày 18 tháng 9 năm 2021	12.819.013.841.949	491.100.000	26.102,65	-
263	Ngày 19 tháng 9 năm 2021	12.819.013.841.949	491.100.000	26.102,65	-
264	Ngày 20 tháng 9 năm 2021	12.720.967.660.734	489.000.000	26.014,24	(88,41)
265	Ngày 21 tháng 9 năm 2021	12.430.249.031.728	481.000.000	25.842,51	(171,73)
266	Ngày 22 tháng 9 năm 2021	12.440.545.436.315	477.900.000	26.031,69	189,18
267	Ngày 23 tháng 9 năm 2021	12.405.675.956.112	473.500.000	26.199,94	168,25
268	Ngày 24 tháng 9 năm 2021	12.345.471.819.444	472.100.000	26.150,12	(49,82)
269	Ngày 25 tháng 9 năm 2021	12.345.471.819.444	472.100.000	26.150,12	-
270	Ngày 26 tháng 9 năm 2021	12.345.471.819.444	472.100.000	26.150,12	-
271	Ngày 27 tháng 9 năm 2021	12.081.920.708.121	471.900.000	25.602,71	(547,41)
272	Ngày 28 tháng 9 năm 2021	12.218.634.358.434	471.900.000	25.892,42	289,71
273	Ngày 29 tháng 9 năm 2021	12.199.545.661.360	471.900.000	25.851,97	(40,45)
274	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	12.275.435.735.239	471.500.000	26.034,85	182,88
275	Ngày 1 tháng 10 năm 2021	12.159.441.924.407	471.500.000	25.788,84	(246,01)
276	Ngày 2 tháng 10 năm 2021	12.159.441.924.407	471.500.000	25.788,84	-
277	Ngày 3 tháng 10 năm 2021	12.159.441.924.407	471.500.000	25.788,84	-
278	Ngày 4 tháng 10 năm 2021	12.176.644.338.131	471.500.000	25.825,33	36,49
279	Ngày 5 tháng 10 năm 2021	12.205.235.781.239	471.500.000	25.885,97	60,64
280	Ngày 6 tháng 10 năm 2021	12.271.756.835.553	471.500.000	26.027,05	141,08
281	Ngày 7 tháng 10 năm 2021	12.309.670.635.449	471.500.000	26.107,46	80,41
282	Ngày 8 tháng 10 năm 2021	12.496.869.600.779	471.100.000	26.526,99	419,53
283	Ngày 9 tháng 10 năm 2021	12.496.869.600.779	471.100.000	26.526,99	-
284	Ngày 10 tháng 10 năm 2021	12.496.869.600.779	471.100.000	26.526,99	-
285	Ngày 11 tháng 10 năm 2021	12.681.633.131.464	470.400.000	26.959,25	432,26

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
286	Ngày 12 tháng 10 năm 2021	12.660.326.348.495	469.200.000	26.982,79	23,54
287	Ngày 13 tháng 10 năm 2021	12.681.778.409.108	467.900.000	27.103,60	120,81
288	Ngày 14 tháng 10 năm 2021	12.711.182.309.063	468.400.000	27.137,45	33,85
289	Ngày 15 tháng 10 năm 2021	12.706.048.350.245	468.200.000	27.138,07	0,62
290	Ngày 16 tháng 10 năm 2021	12.706.048.350.245	468.200.000	27.138,07	-
291	Ngày 17 tháng 10 năm 2021	12.706.048.350.245	468.200.000	27.138,07	-
292	Ngày 18 tháng 10 năm 2021	12.737.045.629.512	468.200.000	27.204,28	66,21
293	Ngày 19 tháng 10 năm 2021	12.699.065.086.821	468.200.000	27.123,16	(81,12)
294	Ngày 20 tháng 10 năm 2021	12.702.825.396.395	468.200.000	27.131,19	8,03
295	Ngày 21 tháng 10 năm 2021	12.615.338.409.431	469.200.000	26.886,91	(244,28)
296	Ngày 22 tháng 10 năm 2021	12.660.744.758.298	469.500.000	26.966,44	79,53
297	Ngày 23 tháng 10 năm 2021	12.660.744.758.298	469.500.000	26.966,44	-
298	Ngày 24 tháng 10 năm 2021	12.660.744.758.298	469.500.000	26.966,44	-
299	Ngày 25 tháng 10 năm 2021	12.587.741.118.037	469.500.000	26.810,95	(155,49)
300	Ngày 26 tháng 10 năm 2021	12.652.290.362.975	470.200.000	26.908,31	97,36
301	Ngày 27 tháng 10 năm 2021	12.964.177.685.130	472.200.000	27.454,84	546,53
302	Ngày 28 tháng 10 năm 2021	13.060.296.268.490	472.200.000	27.658,39	203,55
303	Ngày 29 tháng 10 năm 2021	13.035.790.225.120	472.200.000	27.606,50	(51,89)
304	Ngày 30 tháng 10 năm 2021	13.035.790.225.120	472.200.000	27.606,50	-
305	Ngày 31 tháng 10 năm 2021	13.035.790.225.120	472.200.000	27.606,50	-
306	Ngày 1 tháng 11 năm 2021	12.899.418.930.865	472.200.000	27.317,70	(288,80)
307	Ngày 2 tháng 11 năm 2021	13.012.836.673.972	472.200.000	27.557,89	240,19
308	Ngày 3 tháng 11 năm 2021	13.082.722.135.582	472.200.000	27.705,89	148,00
309	Ngày 4 tháng 11 năm 2021	13.048.972.611.105	472.200.000	27.634,41	(71,48)
310	Ngày 5 tháng 11 năm 2021	13.199.458.568.635	474.000.000	27.846,95	212,54
311	Ngày 6 tháng 11 năm 2021	13.199.458.568.635	474.000.000	27.846,95	-
312	Ngày 7 tháng 11 năm 2021	13.199.458.568.635	474.000.000	27.846,95	-
313	Ngày 8 tháng 11 năm 2021	13.180.737.366.956	472.900.000	27.872,14	25,19
314	Ngày 9 tháng 11 năm 2021	13.119.558.327.551	473.100.000	27.731,04	(141,10)
315	Ngày 10 tháng 11 năm 2021	13.069.969.368.904	473.200.000	27.620,39	(110,65)
316	Ngày 11 tháng 11 năm 2021	13.109.034.860.719	473.200.000	27.702,94	82,55
317	Ngày 12 tháng 11 năm 2021	13.346.588.577.731	472.800.000	28.228,82	525,88
318	Ngày 13 tháng 11 năm 2021	13.346.588.577.731	472.800.000	28.228,82	-
319	Ngày 14 tháng 11 năm 2021	13.346.588.577.731	472.800.000	28.228,82	-
320	Ngày 15 tháng 11 năm 2021	13.341.656.676.009	472.400.000	28.242,28	13,46
321	Ngày 16 tháng 11 năm 2021	13.454.468.717.896	479.200.000	28.076,93	(165,35)
322	Ngày 17 tháng 11 năm 2021	13.715.782.990.719	489.000.000	28.048,63	(28,30)
323	Ngày 18 tháng 11 năm 2021	13.709.158.499.392	493.200.000	27.796,34	(252,29)
324	Ngày 19 tháng 11 năm 2021	13.593.409.004.072	492.600.000	27.595,22	(201,12)
325	Ngày 20 tháng 11 năm 2021	13.593.409.004.072	492.600.000	27.595,22	-
326	Ngày 21 tháng 11 năm 2021	13.593.409.004.072	492.600.000	27.595,22	-

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC**ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCO tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCO
327	Ngày 22 tháng 11 năm 2021	13.654.131.135.032	492.600.000	27.718,49	123,27
328	Ngày 23 tháng 11 năm 2021	13.840.232.857.977	492.700.000	28.090,58	372,09
329	Ngày 24 tháng 11 năm 2021	14.196.168.997.853	492.600.000	28.818,85	728,27
330	Ngày 25 tháng 11 năm 2021	14.219.962.137.025	491.800.000	28.914,11	95,26
331	Ngày 26 tháng 11 năm 2021	14.025.194.488.245	491.700.000	28.523,88	(390,23)
332	Ngày 27 tháng 11 năm 2021	14.025.194.488.245	491.700.000	28.523,88	-
333	Ngày 28 tháng 11 năm 2021	14.025.194.488.245	491.700.000	28.523,88	-
334	Ngày 29 tháng 11 năm 2021	13.783.022.202.990	491.200.000	28.059,89	(463,99)
335	Ngày 30 tháng 11 năm 2021	13.701.802.021.109	491.400.000	27.883,19	(176,70)
336	Ngày 1 tháng 12 năm 2021	13.789.559.118.303	491.400.000	28.061,78	178,59
337	Ngày 2 tháng 12 năm 2021	13.670.959.637.460	491.400.000	27.820,43	(241,35)
338	Ngày 3 tháng 12 năm 2021	13.329.993.935.459	491.400.000	27.126,56	(693,87)
339	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	13.329.993.935.459	491.400.000	27.126,56	-
340	Ngày 5 tháng 12 năm 2021	13.329.993.935.459	491.400.000	27.126,56	-
341	Ngày 6 tháng 12 năm 2021	13.031.847.908.034	491.400.000	26.519,83	(606,73)
342	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	13.284.672.568.426	491.200.000	27.045,34	525,51
343	Ngày 8 tháng 12 năm 2021	13.427.818.173.510	492.100.000	27.286,76	241,42
344	Ngày 9 tháng 12 năm 2021	13.569.095.367.157	492.200.000	27.568,25	281,49
345	Ngày 10 tháng 12 năm 2021	13.555.183.322.928	492.200.000	27.539,99	(28,26)
346	Ngày 11 tháng 12 năm 2021	13.555.183.322.928	492.200.000	27.539,99	-
347	Ngày 12 tháng 12 năm 2021	13.555.183.322.928	492.200.000	27.539,99	-
348	Ngày 13 tháng 12 năm 2021	13.621.617.687.604	492.200.000	27.674,96	134,97
349	Ngày 14 tháng 12 năm 2021	13.549.182.557.822	492.200.000	27.527,79	(147,17)
350	Ngày 15 tháng 12 năm 2021	13.579.833.590.124	492.200.000	27.590,07	62,28
351	Ngày 16 tháng 12 năm 2021	13.488.769.459.544	492.200.000	27.405,05	(185,02)
352	Ngày 17 tháng 12 năm 2021	13.560.460.250.636	491.600.000	27.584,33	179,28
353	Ngày 18 tháng 12 năm 2021	13.560.460.250.636	491.600.000	27.584,33	-
354	Ngày 19 tháng 12 năm 2021	13.560.460.250.636	491.600.000	27.584,33	-
355	Ngày 20 tháng 12 năm 2021	13.465.684.262.877	491.000.000	27.425,01	(159,32)
356	Ngày 21 tháng 12 năm 2021	13.485.684.905.884	491.400.000	27.443,39	18,38
357	Ngày 22 tháng 12 năm 2021	13.449.848.826.696	491.000.000	27.392,76	(50,63)
358	Ngày 23 tháng 12 năm 2021	13.253.612.105.521	490.600.000	27.015,10	(377,66)
359	Ngày 24 tháng 12 năm 2021	13.511.227.154.028	490.600.000	27.540,21	525,11
360	Ngày 25 tháng 12 năm 2021	13.511.227.154.028	490.600.000	27.540,21	-
361	Ngày 26 tháng 12 năm 2021	13.511.227.154.028	490.600.000	27.540,21	-
362	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	13.606.480.780.361	490.000.000	27.768,32	228,11
363	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	13.688.893.121.808	489.900.000	27.942,21	173,89
364	Ngày 29 tháng 12 năm 2021	13.609.162.072.275	489.800.000	27.785,14	(157,07)
365	Ngày 30 tháng 12 năm 2021	13.628.619.004.266	489.800.000	27.824,86	39,72
366	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.791.745.107.213	489.800.000	28.157,91	333,05



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
• Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	11.579.099.518.550	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
• Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(1.340,19)
• Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(0,58)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

		Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020			
Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
		 ròng (NAV) VND [1]	 chứng chỉ quỹ CCQ [2]	 tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	Ngày 27 tháng 4 năm 2020	110.839.662.054	10.200.000	10.866,63	-
2	Ngày 28 tháng 4 năm 2020	110.839.519.643	10.200.000	10.866,61	(0,02)
3	Ngày 30 tháng 4 năm 2020	111.106.113.893	10.200.000	10.892,75	26,14
4	Ngày 3 tháng 5 năm 2020	111.092.581.641	10.200.000	10.891,42	(1,33)
5	Ngày 4 tháng 5 năm 2020	109.880.505.679	10.200.000	10.772,59	(118,83)
6	Ngày 5 tháng 5 năm 2020	110.161.008.786	10.200.000	10.800,09	27,50
7	Ngày 6 tháng 5 năm 2020	112.053.795.242	10.200.000	10.985,66	185,57
8	Ngày 7 tháng 5 năm 2020	113.691.880.470	10.200.000	11.146,26	160,60
9	Ngày 10 tháng 5 năm 2020	116.204.312.001	10.200.000	11.392,57	246,31
10	Ngày 11 tháng 5 năm 2020	119.272.288.935	10.200.000	11.693,36	300,79
11	Ngày 12 tháng 5 năm 2020	121.411.459.218	10.200.000	11.903,08	209,72
12	Ngày 13 tháng 5 năm 2020	123.810.591.158	10.200.000	12.138,29	235,21
13	Ngày 14 tháng 5 năm 2020	213.072.497.627	17.700.000	12.037,99	(100,30)
14	Ngày 17 tháng 5 năm 2020	215.797.810.868	18.200.000	11.857,02	(180,97)
15	Ngày 18 tháng 5 năm 2020	482.318.469.684	40.000.000	12.057,96	200,94
16	Ngày 19 tháng 5 năm 2020	536.758.356.700	43.700.000	12.282,79	224,83
17	Ngày 20 tháng 5 năm 2020	552.379.508.789	45.300.000	12.193,80	(88,99)
18	Ngày 21 tháng 5 năm 2020	639.112.582.045	51.800.000	12.338,08	144,28
19	Ngày 24 tháng 5 năm 2020	660.714.573.715	54.800.000	12.056,83	(281,25)
20	Ngày 25 tháng 5 năm 2020	676.137.212.222	55.800.000	12.117,15	60,32
21	Ngày 26 tháng 5 năm 2020	687.039.798.293	56.100.000	12.246,69	129,54
22	Ngày 27 tháng 5 năm 2020	681.133.432.957	56.800.000	11.991,78	(254,91)
23	Ngày 28 tháng 5 năm 2020	684.378.093.133	57.000.000	12.006,63	14,85
24	Ngày 31 tháng 5 năm 2020	696.131.174.678	58.000.000	12.002,26	(4,37)
25	Ngày 1 tháng 6 năm 2020	714.345.916.604	58.200.000	12.273,98	271,72
26	Ngày 2 tháng 6 năm 2020	725.387.541.190	59.600.000	12.170,93	(103,05)
27	Ngày 3 tháng 6 năm 2020	734.788.368.395	59.700.000	12.308,01	137,08
28	Ngày 4 tháng 6 năm 2020	738.637.273.084	59.900.000	12.331,17	23,16
29	Ngày 7 tháng 6 năm 2020	745.965.691.636	60.000.000	12.432,76	101,59
30	Ngày 8 tháng 6 năm 2020	771.646.098.452	61.000.000	12.649,93	217,17
31	Ngày 9 tháng 6 năm 2020	956.954.023.272	76.500.000	12.509,20	(140,73)
32	Ngày 10 tháng 6 năm 2020	1.117.628.724.568	88.700.000	12.600,09	90,89
33	Ngày 11 tháng 6 năm 2020	1.190.550.319.713	99.800.000	11.929,36	(670,73)
34	Ngày 14 tháng 6 năm 2020	1.239.118.671.913	102.600.000	12.077,18	147,82
35	Ngày 15 tháng 6 năm 2020	1.202.597.387.092	103.400.000	11.630,53	(446,65)
36	Ngày 16 tháng 6 năm 2020	1.247.835.063.864	104.800.000	11.906,82	276,29
37	Ngày 17 tháng 6 năm 2020	1.246.406.653.709	105.400.000	11.825,49	(81,33)
38	Ngày 18 tháng 6 năm 2020	1.275.355.324.884	107.800.000	11.830,75	5,26
39	Ngày 21 tháng 6 năm 2020	1.301.798.416.476	108.200.000	12.031,40	200,65
40	Ngày 22 tháng 6 năm 2020	1.327.706.976.854	109.900.000	12.081,04	49,64
41	Ngày 23 tháng 6 năm 2020	1.332.029.590.323	110.000.000	12.109,35	28,31

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC**ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ
42	Ngày 24 tháng 6 năm 2020	1.324.654.856.352	110.200.000	12.020,46	(88,89)
43	Ngày 25 tháng 6 năm 2020	1.363.081.613.173	114.700.000	11.883,88	(136,58)
44	Ngày 28 tháng 6 năm 2020	1.390.066.826.000	116.900.000	11.891,07	7,19
45	Ngày 29 tháng 6 năm 2020	1.352.129.247.214	117.000.000	11.556,66	(334,41)
46	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.362.487.799.178	119.100.000	11.439,86	(116,80)
47	Ngày 1 tháng 7 năm 2020	1.425.331.458.683	122.000.000	11.683,04	243,18
48	Ngày 2 tháng 7 năm 2020	1.425.003.618.399	122.000.000	11.680,35	(2,69)
49	Ngày 5 tháng 7 năm 2020	1.431.268.788.391	122.300.000	11.702,93	22,58
50	Ngày 6 tháng 7 năm 2020	1.455.280.651.455	122.300.000	11.899,26	196,33
51	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	1.467.260.034.386	123.100.000	11.919,25	19,99
52	Ngày 8 tháng 7 năm 2020	1.469.831.591.751	123.100.000	11.940,14	20,89
53	Ngày 9 tháng 7 năm 2020	1.497.602.738.150	123.100.000	12.165,74	225,60
54	Ngày 12 tháng 7 năm 2020	1.481.975.945.215	123.100.000	12.038,79	(126,95)
55	Ngày 13 tháng 7 năm 2020	1.482.673.451.857	123.100.000	12.044,46	5,67
56	Ngày 14 tháng 7 năm 2020	1.480.431.099.193	123.200.000	12.016,48	(27,98)
57	Ngày 15 tháng 7 năm 2020	1.499.147.041.620	123.300.000	12.158,53	142,05
58	Ngày 16 tháng 7 năm 2020	1.508.478.300.789	123.300.000	12.234,21	75,68
59	Ngày 19 tháng 7 năm 2020	1.501.967.725.897	123.300.000	12.181,40	(52,81)
60	Ngày 20 tháng 7 năm 2020	1.481.887.376.757	123.300.000	12.018,55	(162,85)
61	Ngày 21 tháng 7 năm 2020	1.485.428.525.568	123.400.000	12.037,50	18,95
62	Ngày 22 tháng 7 năm 2020	1.472.855.769.419	123.400.000	11.935,62	(101,88)
63	Ngày 23 tháng 7 năm 2020	1.475.725.533.316	123.400.000	11.958,87	23,25
64	Ngày 26 tháng 7 năm 2020	1.415.119.418.215	123.400.000	11.467,74	(491,13)
65	Ngày 27 tháng 7 năm 2020	1.334.138.222.129	123.900.000	10.767,86	(699,88)
66	Ngày 28 tháng 7 năm 2020	1.391.694.816.225	124.200.000	11.205,27	437,41
67	Ngày 29 tháng 7 năm 2020	1.359.609.748.981	125.300.000	10.850,83	(354,44)
68	Ngày 30 tháng 7 năm 2020	1.434.017.178.870	130.100.000	11.022,42	171,59
69	Ngày 31 tháng 7 năm 2020	1.419.086.091.516	130.100.000	10.907,65	(114,77)
70	Ngày 2 tháng 8 năm 2020	1.419.007.177.277	130.100.000	10.907,04	(0,61)
71	Ngày 3 tháng 8 năm 2020	1.456.441.794.375	130.100.000	11.194,78	287,74
72	Ngày 4 tháng 8 năm 2020	1.479.025.065.129	130.100.000	11.368,37	173,59
73	Ngày 5 tháng 8 năm 2020	1.510.434.487.368	130.100.000	11.609,79	241,42
74	Ngày 6 tháng 8 năm 2020	1.528.208.776.873	132.100.000	11.568,57	(41,22)
75	Ngày 9 tháng 8 năm 2020	1.532.668.363.908	132.600.000	11.558,58	(9,99)
76	Ngày 10 tháng 8 năm 2020	1.545.681.533.156	133.100.000	11.612,93	54,35
77	Ngày 11 tháng 8 năm 2020	1.555.418.791.103	133.500.000	11.651,07	38,14
78	Ngày 12 tháng 8 năm 2020	1.564.962.271.327	133.600.000	11.713,78	62,71
79	Ngày 13 tháng 8 năm 2020	1.585.929.208.213	133.600.000	11.870,72	156,94
80	Ngày 16 tháng 8 năm 2020	1.585.281.873.376	133.600.000	11.865,88	(4,84)
81	Ngày 17 tháng 8 năm 2020	1.584.783.006.594	133.700.000	11.853,27	(12,61)
82	Ngày 18 tháng 8 năm 2020	1.582.083.461.366	133.900.000	11.815,41	(37,86)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
83	Ngày 19 tháng 8 năm 2020	1.587.696.674.131	133.600.000	11.883,95	68,54
84	Ngày 20 tháng 8 năm 2020	1.586.971.285.400	133.600.000	11.878,52	(5,43)
85	Ngày 23 tháng 8 năm 2020	1.609.690.617.890	133.600.000	12.048,58	170,06
86	Ngày 24 tháng 8 năm 2020	1.650.157.187.058	133.600.000	12.351,47	302,89
87	Ngày 25 tháng 8 năm 2020	1.684.610.092.017	134.100.000	12.562,34	210,87
88	Ngày 26 tháng 8 năm 2020	1.684.497.422.578	134.800.000	12.496,27	(66,07)
89	Ngày 27 tháng 8 năm 2020	1.709.735.593.576	135.700.000	12.599,37	103,10
90	Ngày 30 tháng 8 năm 2020	1.856.848.351.764	145.300.000	12.779,41	180,04
91	Ngày 31 tháng 8 năm 2020	1.853.924.646.350	145.700.000	12.724,25	(55,16)
92	Ngày 2 tháng 9 năm 2020	1.877.221.060.291	146.100.000	12.848,87	124,62
93	Ngày 3 tháng 9 năm 2020	1.899.645.873.304	146.300.000	12.984,59	135,72
94	Ngày 6 tháng 9 năm 2020	1.906.918.068.083	148.000.000	12.884,58	(100,01)
95	Ngày 7 tháng 9 năm 2020	1.854.855.773.466	148.300.000	12.507,45	(377,13)
96	Ngày 8 tháng 9 năm 2020	1.978.241.648.226	155.900.000	12.689,17	181,72
97	Ngày 9 tháng 9 năm 2020	1.969.158.458.053	155.500.000	12.663,39	(25,78)
98	Ngày 10 tháng 9 năm 2020	1.997.300.715.405	156.600.000	12.754,15	90,76
99	Ngày 13 tháng 9 năm 2020	2.009.485.295.621	157.700.000	12.742,45	(11,70)
100	Ngày 14 tháng 9 năm 2020	2.038.572.773.980	159.100.000	12.813,15	70,70
101	Ngày 15 tháng 9 năm 2020	2.047.976.355.466	159.900.000	12.807,85	(5,30)
102	Ngày 16 tháng 9 năm 2020	2.049.224.129.703	159.200.000	12.872,01	64,16
103	Ngày 17 tháng 9 năm 2020	2.042.187.620.840	159.200.000	12.827,81	(44,20)
104	Ngày 20 tháng 9 năm 2020	2.081.803.659.808	159.500.000	13.052,06	224,25
105	Ngày 21 tháng 9 năm 2020	2.111.843.199.622	160.100.000	13.190,77	138,71
106	Ngày 22 tháng 9 năm 2020	2.128.131.765.140	160.700.000	13.242,88	52,11
107	Ngày 23 tháng 9 năm 2020	2.168.869.973.010	162.500.000	13.346,89	104,01
108	Ngày 24 tháng 9 năm 2020	2.191.858.879.411	164.800.000	13.300,11	(46,78)
109	Ngày 27 tháng 9 năm 2020	2.192.465.026.740	165.400.000	13.255,53	(44,58)
110	Ngày 28 tháng 9 năm 2020	2.239.508.647.896	166.700.000	13.434,36	178,83
111	Ngày 29 tháng 9 năm 2020	2.235.054.270.400	168.100.000	13.295,98	(138,38)
112	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	2.244.878.995.971	168.300.000	13.338,55	42,57
113	Ngày 1 tháng 10 năm 2020	2.288.132.020.801	169.400.000	13.507,27	168,72
114	Ngày 4 tháng 10 năm 2020	2.270.572.820.910	169.500.000	13.395,70	(111,57)
115	Ngày 5 tháng 10 năm 2020	2.302.242.803.969	169.600.000	13.574,54	178,84
116	Ngày 6 tháng 10 năm 2020	2.352.405.674.555	173.100.000	13.589,86	15,32
117	Ngày 7 tháng 10 năm 2020	2.347.744.242.272	173.700.000	13.516,08	(73,78)
118	Ngày 8 tháng 10 năm 2020	2.358.539.996.193	174.100.000	13.547,04	30,96
119	Ngày 11 tháng 10 năm 2020	2.366.442.336.911	174.600.000	13.553,50	6,46
120	Ngày 12 tháng 10 năm 2020	2.360.224.755.384	174.600.000	13.517,89	(35,61)
121	Ngày 13 tháng 10 năm 2020	2.365.750.992.327	174.800.000	13.534,04	16,15
122	Ngày 14 tháng 10 năm 2020	2.401.579.110.327	174.900.000	13.731,15	197,11
123	Ngày 15 tháng 10 năm 2020	2.414.553.426.848	175.300.000	13.773,83	42,68



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ
124	Ngày 18 tháng 10 năm 2020	2.449.483.579.842	175.500.000	13.957,17	183,34
125	Ngày 19 tháng 10 năm 2020	2.468.520.160.361	175.500.000	14.065,64	108,47
126	Ngày 20 tháng 10 năm 2020	2.490.845.720.065	175.700.000	14.176,69	111,05
127	Ngày 21 tháng 10 năm 2020	2.480.053.021.283	176.300.000	14.067,23	(109,46)
128	Ngày 22 tháng 10 năm 2020	2.516.984.499.340	176.100.000	14.292,92	225,69
129	Ngày 25 tháng 10 năm 2020	2.524.097.638.168	176.100.000	14.333,31	40,39
130	Ngày 26 tháng 10 năm 2020	2.466.183.903.889	175.100.000	14.084,43	(248,88)
131	Ngày 27 tháng 10 năm 2020	2.457.600.540.387	175.400.000	14.011,40	(73,03)
132	Ngày 28 tháng 10 năm 2020	2.382.655.146.007	176.000.000	13.537,81	(473,59)
133	Ngày 29 tháng 10 năm 2020	2.376.691.778.433	176.300.000	13.480,95	(56,86)
134	Ngày 31 tháng 10 năm 2020	2.404.888.002.923	176.300.000	13.640,88	159,93
135	Ngày 1 tháng 11 năm 2020	2.404.822.823.725	176.300.000	13.640,51	(0,37)
136	Ngày 2 tháng 11 năm 2020	2.425.265.952.814	176.300.000	13.756,47	115,96
137	Ngày 3 tháng 11 năm 2020	2.446.341.750.267	176.300.000	13.876,01	119,54
138	Ngày 4 tháng 11 năm 2020	2.460.488.235.070	176.300.000	13.956,25	80,24
139	Ngày 5 tháng 11 năm 2020	2.454.825.680.922	176.900.000	13.876,91	(79,34)
140	Ngày 8 tháng 11 năm 2020	2.450.750.502.262	177.400.000	13.814,82	(62,09)
141	Ngày 9 tháng 11 năm 2020	2.490.005.997.430	177.300.000	14.044,02	229,20
142	Ngày 10 tháng 11 năm 2020	2.472.239.771.164	176.800.000	13.983,25	(60,77)
143	Ngày 11 tháng 11 năm 2020	2.502.279.549.732	178.400.000	14.026,23	42,98
144	Ngày 12 tháng 11 năm 2020	2.543.335.372.193	178.200.000	14.272,36	246,13
145	Ngày 15 tháng 11 năm 2020	2.576.170.159.107	178.200.000	14.456,62	184,26
146	Ngày 16 tháng 11 năm 2020	2.526.365.636.453	176.500.000	14.313,68	(142,94)
147	Ngày 17 tháng 11 năm 2020	2.578.497.712.484	176.700.000	14.592,51	278,83
148	Ngày 18 tháng 11 năm 2020	2.561.136.532.176	175.600.000	14.585,05	(7,46)
149	Ngày 19 tháng 11 năm 2020	2.577.290.115.478	175.600.000	14.677,05	92,00
150	Ngày 22 tháng 11 năm 2020	2.582.677.020.002	175.600.000	14.707,72	30,67
151	Ngày 23 tháng 11 năm 2020	2.634.817.848.318	177.000.000	14.885,97	178,25
152	Ngày 24 tháng 11 năm 2020	2.643.349.838.832	178.000.000	14.850,27	(35,70)
153	Ngày 25 tháng 11 năm 2020	2.661.024.316.142	178.700.000	14.891,01	40,74
154	Ngày 26 tháng 11 năm 2020	2.687.542.946.547	179.000.000	15.014,20	123,19
155	Ngày 29 tháng 11 năm 2020	2.784.963.970.240	183.000.000	15.218,38	204,18
156	Ngày 30 tháng 11 năm 2020	3.024.901.473.126	198.200.000	15.261,86	43,48
157	Ngày 1 tháng 12 năm 2020	3.365.209.989.884	218.400.000	15.408,47	146,61
158	Ngày 2 tháng 12 năm 2020	3.568.845.264.266	231.000.000	15.449,54	41,07
159	Ngày 3 tháng 12 năm 2020	3.587.378.355.299	232.000.000	15.462,83	13,29
160	Ngày 6 tháng 12 năm 2020	3.617.341.339.306	234.500.000	15.425,76	(37,07)
161	Ngày 7 tháng 12 năm 2020	3.649.038.255.415	235.700.000	15.481,70	55,94
162	Ngày 8 tháng 12 năm 2020	3.706.502.167.971	238.100.000	15.566,99	85,29
163	Ngày 9 tháng 12 năm 2020	3.827.921.109.872	243.500.000	15.720,41	153,42
164	Ngày 10 tháng 12 năm 2020	3.779.799.958.736	243.700.000	15.510,05	(210,36)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 22/4/2020 đến ngày 31/12/2020			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
165	Ngày 13 tháng 12 năm 2020	3.961.301.973.583	251.600.000	15.744,44	234,39
166	Ngày 14 tháng 12 năm 2020	4.215.393.357.712	264.700.000	15.925,17	180,73
167	Ngày 15 tháng 12 năm 2020	4.394.437.532.050	277.700.000	15.824,40	(100,77)
168	Ngày 16 tháng 12 năm 2020	4.654.900.715.735	288.600.000	16.129,24	304,84
169	Ngày 17 tháng 12 năm 2020	4.616.734.404.770	289.000.000	15.974,85	(154,39)
170	Ngày 20 tháng 12 năm 2020	4.806.307.149.691	293.300.000	16.387,00	412,15
171	Ngày 21 tháng 12 năm 2020	4.894.388.367.619	294.000.000	16.647,57	260,57
172	Ngày 22 tháng 12 năm 2020	5.040.201.089.492	300.000.000	16.800,67	153,10
173	Ngày 23 tháng 12 năm 2020	4.975.562.310.792	300.400.000	16.563,12	(237,55)
174	Ngày 24 tháng 12 năm 2020	4.924.619.129.700	301.700.000	16.322,90	(240,22)
175	Ngày 27 tháng 12 năm 2020	5.039.851.649.708	302.500.000	16.660,66	337,76
176	Ngày 28 tháng 12 năm 2020	5.039.059.124.385	303.200.000	16.619,58	(41,08)
177	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	5.131.150.779.975	307.900.000	16.664,99	45,41
178	Ngày 30 tháng 12 năm 2020	5.163.292.724.174	309.100.000	16.704,27	39,28
179	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.280.430.128.341	311.100.000	16.973,41	269,14
	• Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1.967.805.003.563	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
	• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(699,88)
	• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	0,02

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

20. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

(a) Các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

(i) *Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ*

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí quản lý Quỹ	92.637.743.009	10.722.660.176

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ (không chịu thuế GTGT) là 0,80% mỗi năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

(ii) *Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ*

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 18)	117.000.000	68.262.295

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(b) Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh –
Ngân hàng Giám sát

	2021 VND	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020 VND
Phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 16)	2.315.943.575	274.828.176
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 16)	57.500.000	10.000.000
Phí dịch vụ giám sát tài sản	5.095.075.882	604.964.122
Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	2.547.537.930	311.812.823
Phí ngân hàng	48.872.854	14.214.931
Lãi tiền gửi ngân hàng	237.158.803	11.941.550

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị Quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát tài sản (chưa bao gồm thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 600 tỷ VND: 0,06% NAV mỗi năm;NAV từ 600 tỷ VND đến 1.000 tỷ VND: 0,05% NAV mỗi năm;NAV từ 1.000 tỷ VND trở lên: 0,04% NAV mỗi năm. Tối thiểu 15.000.000 VND mỗi tháng.
Lưu ký chứng khoán (không chịu thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none">0,02% NAV mỗi năm Tối thiểu 10.000.000 VND mỗi tháng.
Quản trị Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT)	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,03% NAV mỗi năm;NAV từ 1.000 tỷ VND trở lên: 0,02% NAV mỗi năm. Tối thiểu 15.000.000 VND mỗi tháng.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Quỹ sẽ phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát chi phí giao dịch chứng khoán là 100.000 VND cho mỗi giao dịch.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

21. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ

	2021	Giai đoạn từ 22/4/2020 đến 31/12/2020
1 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm/kỳ (%)	1,14%	1,05%
2 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm/kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/(NAV trung bình trong năm/kỳ) (%)	38,99%	14,03%

22. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- rủi ro hoạt động.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là không đáng kể.

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu là chứng khoán của các công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các chứng khoán này có tỷ lệ tự do chuyển nhượng và khả năng thanh khoản cao. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Chi phí phải trả	133.374.005	133.374.005	133.374.005
Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	3.235.508.687	3.235.508.687	3.235.508.687
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	18.517.645.737	18.517.645.737	18.517.645.737
	21.886.528.429	21.886.528.429	21.886.528.429
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Chi phí phải trả	96.636.297	96.636.297	96.636.297
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	4.450.324.013	4.450.324.013	4.450.324.013
	4.546.960.310	4.546.960.310	4.546.960.310

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) **Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 13.755.212.515.450 VND (31/12/2020: 5.245.932.380.150 VND). Trong năm 2021, tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 74% (giai đoạn từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 57%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 74% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 10.178.857.261.433 VND (31/12/2020: 2.990.181.456.686 VND).

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(d) **Rủi ro hoạt động**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số VN DIAMOND và Công ty quản lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có thể phát sinh sai lệch do Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN DIAMOND do hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cơ cấu lại danh mục của chỉ số tham chiếu VN DIAMOND theo định kỳ ba tháng/một lần. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu liên tục trong ba tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó, nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ không thể thực hiện việc mua bán chứng chỉ quỹ.



QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)**(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:</i>				
Các khoản đầu tư	13.755.212.515.450	13.755.212.515.450	5.245.932.380.150	5.245.932.380.150
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	43.242.266.392	43.242.266.392	39.013.886.580	39.013.886.580
Phải thu về bán các khoản đầu tư	1.672.185.000	1.672.185.000	-	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	13.504.668.800	13.504.668.800	30.821.921	30.821.921
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
Chi phí phải trả	(133.374.005)	(133.374.005)	(96.636.297)	(96.636.297)
Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	(3.235.508.687)	(3.235.508.687)	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	(18.517.645.737)	(18.517.645.737)	(4.450.324.013)	(4.450.324.013)

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

23. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

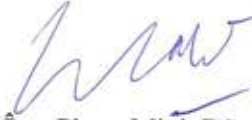
Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 2 tháng 3 năm 2022.

Ngày 2 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ



Ông Phạm Minh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc



